

Họ và tên:

Lớp:

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN 4 Phiếu bài tập

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) Các số 54687, 54678, 54867, 45876 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

a) Các số 9876, 9867, 8998, 9987 viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

c) Các số tự nhiên vừa lớn hơn 1017 vừa bé hơn 1022 là:

.....

2. Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $934...5 > 93489$

b) $8...572 < 81572$

c) $735...08 < 735080$

d) $48...279 = 483000 + 279$

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 yến =kg

50 kg =yến

20 yến =kg

6 yến 7 kg =kg

400kg =yến

23 yến 9 kg =kg

b) 5 tạ =yến

70 yến =tạ

8 tạ =kg

4 tạ 8 yến =yến

6 tạ =kg

2 tạ 12 kg =kg

c) 4 tấn =kg

30 tạ =tấn

7 tấn =kg

5 tấn 3 tạ =tạ

4000kg =kg

8 tấn 30 kg =kg

4. Tính:

$256 \text{ dag} + 476 \text{ dag} = \dots\dots\dots$

$186 \text{ g} \times 8 = \dots\dots\dots$

$756 \text{ kg} - 89 \text{ kg} = \dots\dots\dots$

$2328 \text{ kg} \times 5 = \dots\dots\dots$

$665 \text{ tấn} + 78 \text{ tấn} = \dots\dots\dots$

$2850 \text{ hg} : 6 = \dots\dots\dots$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 phút =giây

2 phút 15 giây =giây

3 thế kỉ =năm

900 năm =thế kỉ

$\frac{1}{2}$ phút =giây

$\frac{1}{6}$ phút =giây

$\frac{1}{4}$ thế kỉ =năm

$\frac{1}{5}$ thế kỉ =năm

6. Mỗi gói bánh cân nặng 250g, mỗi gói kẹo cân nặng 200g. Hỏi 4 gói bánh và 5 gói kẹo như thế cân nặng bao nhiêu kg

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. a) Tìm số tự nhiên x chòn chục, biết: $564 < x < 600$

.....

.....

b) Tìm số tự nhiên x, biết x là số tròn trăm và x vừa lớn hơn 299 vừa bé hơn 800.

.....

.....

8. Tìm số tự nhiên có bốn chữ số, biết rằng khi viết thêm chữ số 7 vào bên phải số đó thì được số có năm chữ số lớn hơn số phải tìm 11212 đơn vị.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....